

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1308/2024/HC-PT

Ngày: 25 - 12 - 2024

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
về quản lý đất đai trong trường hợp bồi
thường, hỗ trợ, tái định cư.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Phạm Trí Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 và 25 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý
số: 763/2024/TLPT-HC ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết
định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định
cư”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024
của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 4522/2024/QĐPT-HC ngày
27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đinh Thị Kim N, sinh năm 1980 (vắng mặt);

Địa chỉ: Số A đường C, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện:

1. Bà Phạm Thị H, sinh năm 1979 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Số 478/14 Nguyễn Thái Sơn, Phường 5, quận Gò Vấp, Thành
phố Hồ Chí Minh

2. Bà Lê Phan Thị Minh N1, sinh năm 1974 (có mặt).

Địa chỉ: 2 H, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân thành phố Vũng Tàu

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V

Cùng địa chỉ: Số H L, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (xin vắng mặt);

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Bà Nguyễn Thị H1 – Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V. (xin vắng mặt)

- Bà Hoàng Thị H2 – Viên chức Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V. (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Vũ Viết P, sinh năm 1955 (có mặt);

Địa chỉ: Số F khu phố B, phường P, thành phố T, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị Mỹ D, sinh năm: 1960 (có mặt)

Địa chỉ: A11/4A đường 385, phường Tăng Nhơn Phú A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

2. Ông Thái Quốc V, sinh năm 1988 (xin vắng mặt).

Địa chỉ Số B L, Phường D, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Viết P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Đinh Thị Kim N sử dụng thửa đất số 826/836 (mới 55), tờ bản đồ 26 (mới 6), diện tích 187m² đất ở (diện tích xây dựng 74m²) tại địa chỉ A đường C, Phường A (Phường A cũ), thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110221 ngày 08-11-2002.

Ngày 19-8-2020, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành Thông báo thu hồi đất số 6293/TB-UBND, nội dung thu hồi 172,0m² đất do bà Đinh Thị Kim N đang sử dụng tại thửa đất số 10, tờ bản đồ thu hồi đất số 01 (tương ứng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 06, bản đồ địa chính Phường A, thành phố V) để thực hiện dự án Đường Q, Phường A, thành phố V.

Ngày 20-01-2022, Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành các Quyết định

số 745/QĐ-UBND và Quyết định số 754/QĐ-UBND về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường cho những người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 - bà N2 đã chết (ông, bà Đinh Thị Kim N, Thái Quốc V là người có liên quan)(Viết tắt là Quyết định số 745/QĐ-UBND và Quyết định số 754/QĐ-UBND), cụ thể:

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là 6.768.896.613 đồng.

Tại Điều 1: Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 - bà N2 đã chết, (ông (bà) Đinh Thị Kim N, Thái Quốc V là người có liên quan), địa chỉ liên hệ: 1580 đường C, Phường A, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình Đường Q, phường A, thành phố V.

Phần A Mục 1 Điều 1: Thu hồi, bồi thường: 172,0m² đất ở vị trí A, đường C thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110221 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 08-11-2001.

Phần D Mục 1 Điều 1: Hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên đất.

Phần E Mục 1 Điều 1: Các khoản hỗ trợ khác.

Phần E Mục 1 Điều 1: Không tái định cư.

Tạm giữ tiền tại Kho bạc Nhà nước sau khi xác định chủ thể hợp pháp sẽ chi trả.

Ngày 15-8-2022, Ủy ban nhân dân Phường A có Công văn số 1672/UBND-ĐC điều chỉnh lại thời điểm xây dựng nhà; nội dung đề nghị điều chỉnh thời điểm xây dựng nhà theo chủ quyền sở hữu nhà số 7201110221 ngày 08-11-2002 thành xây dựng sau ngày 01-7-2006. Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 06-4-2023 điều chỉnh giảm kinh phí bồi thường, hỗ trợ tại Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 20-01-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V (Viết tắt là Quyết định số 1420/QĐ-UBND); nội dung:

- Điều chỉnh giảm tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Từ 6.768.896.613 đồng thành 6.203.260.000 đồng.

- Điều chỉnh mục D (phần hỗ trợ nhà, vật kiến trúc): Từ 565.636.613 đồng thành 0 đồng.

Bà N khiếu nại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường yêu cầu cấp 01 suất tái định cư.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã bác đơn tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8320/QĐ-UBND ngày 01-6-2022. (Viết tắt là Quyết

định số 8320/QĐ-UBND).

Ngày 02-11-2023, Ủy ban nhân dân thành phố V đã ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất số 6096/QĐ-UBND. (*Viết tắt là Quyết định số 6096/QĐ-UBND*)

Bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Hủy Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 10-01-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 – bà N2 đã chết (ông (bà) Đinh Thị Kim N, Thái Quốc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thuộc dự án Đường Q, Phường A, thành phố V.

- Hủy Quyết định số 8320/QĐ-UBND ngày 01-6-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Đinh Thị Kim N.

- Hủy Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 02-11-2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất

- Tuyên cho bà Đinh Thị Kim N được nhận tiền bồi thường khi thu hồi đất và giao tái định cư hoặc đất ở cho gia đình ổn định cuộc sống.

Tại phiên tòa, người khởi kiện rút một phần yêu cầu khởi kiện về hủy Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 02-11-2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất, do bà Đinh Thị Kim N đã tự nguyện tháo dỡ và bàn giao mặt bằng cho Ủy ban nhân dân thành phố V để thực hiện dự án.

Lý do khởi kiện:

Quyết định số 754/QĐ-UBND phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 - bà N2 đã chết, (ông (bà) Đinh Thị Kim N, Thái Quốc V là người có liên quan): không bố trí tái định cư cũng như không bồi thường cho người sở hữu, sử dụng đất hợp pháp là bà Đinh Thị Kim N là không đúng. Trong khi hoàn cảnh gia đình bà N rất khó khăn, chồng bà N đột tử năm 2019, cả hai con còn nhỏ đang trong độ tuổi ăn học; nhà đất bị thu hồi, giải tỏa trắng, không còn chỗ ở nào khác.

Việc Chủ tịch UBND Vũng Tàu ra Quyết định số 8320/QĐ-UBND bác đơn khiếu nại và Quyết định số 6906/QĐ-UB ngày 02-11-2023 để cưỡng chế thu hồi đất là xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà N.

Bà N là người nhận chuyển nhượng cuối cùng và quản lý sử dụng nhà đất từ năm 2012 cho đến khi Nhà nước thu hồi. Việc bà N nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là hợp pháp, không trái quy định pháp luật.

Đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường Q, Phường A, thành phố V thì bà N mới biết được rằng năm 2006 có xảy ra tranh chấp nhà đất trên giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N2 và bị đơn là bà Vũ Thị M1 kéo dài nhiều năm với một lần xét xử sơ thẩm, hai lần xét xử phúc thẩm, hai lần có quyết định giám đốc thẩm và cuối cùng đình chỉ giải quyết vụ án dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tuyên xử: Nhà, đất tại số A - 1582 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị N2 có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định (ngày 16-9-2014). Cụ thể quá trình tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N2 và bị đơn là bà Vũ Thị M1 như sau:

- Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N2 và bị đơn là bà Vũ Thị M1 được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết tại Bản án số: 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 tuyên xử: Nhà, đất tại số A - 1582 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị N2.

- Ngày 15-8-2006, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và ra bản án số 93/2006/DSPT tuyên bác đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị N2 và ông Vũ Viết P.

- Ngày 25-10-2007 Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định giám đốc thẩm số 314/2007/DS-GĐT tuyên hủy bản án dân sự phúc thẩm số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006 giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Ngày 14-3-2008, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và ra bản án số 54/2008/DSPT tuyên: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của cụ Nguyễn Thị N2 và đại diện theo ủy quyền của cụ N2 là ông Vũ Viết P. Công nhận cho bà Vũ Thị M1 được quyền sở hữu, sử dụng nhà, đất theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và đất ở đã cấp cho bà Vũ Thị M1. Công nhận hợp đồng mua bán nhà lập ngày 27-5-2005 giữa bà Vũ Thị M1 và ông Trần Hữu H3. Bà M1 có trách nhiệm thanh toán cho cụ N2 số tiền 293.857.142 đồng (Hai trăm chín mươi ba triệu tám trăm năm mươi bảy ngàn một trăm bốn mươi hai đồng).

- Ngày 22-7-2011, Tòa Dân sự Tòa án nhân dân tối cao ra Quyết định giám đốc thẩm số 533/2011/DS-GĐT tuyên hủy bản án dân sự phúc thẩm số 54/2008/DS-PT ngày 14-3-2008 giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

- Ngày 16-9-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ra quyết định số 06/2014/QĐPT-DS đình chỉ giải quyết vụ án dân sự vì bị đơn vắng mặt không lý do, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 32/2006/DSST ngày 12-5-

2006 tuyên xử: Nhà, đất tại số A - 1582 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị N2 có hiệu lực kể từ ngày ra quyết định (ngày 16-9-2014).

Trong suốt thời gian xảy ra tranh chấp từ năm 2006 đến năm 2012 - thời điểm bà N nhận chuyển nhượng nhà đất, các bên không có bất kỳ thông báo nào đến các cơ quan quản lý chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở với diện tích 187,0m² đất ở thuộc thửa 826/836 (mới 55), tờ bản đồ 26 (mới 6) vẫn được chuyển nhượng và cập nhật biến động đất đai qua nhiều chủ sử dụng theo đúng quy trình pháp luật. Trong quá trình các bên tranh chấp tại tòa và tại các bản án nêu trên đều không có đề cập đến bà N, không mời bà N tham dự với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Tại Thông báo số 848/TB-THADS ngày 26-9-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu về việc từ chối nhận yêu cầu thi hành án cũng thể hiện rõ *“xét thấy nội dung yêu cầu thi hành án và bản án không tuyên rõ trách nhiệm ai là người phải giao nhà đất trên (nhà Đ quốc lộ E, phường A, thành phố V) cho bà N2, nên Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu không ban hành được Quyết định thi hành án vì không có đối tượng phải thi hành án”*. Do đó, bà N vẫn đang là chủ sở hữu hợp pháp của nhà đất tại 1580 đường C, Phường A, thành phố V.

Do đó, bà N phải là người được nhận tiền bồi thường và giao đất ở tái định cư khi nhà nước thu hồi đất chứ không phải là người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2. Nếu người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 có bất kỳ tranh chấp nào với bà N thì yêu cầu người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 khởi kiện tại cơ quan có thẩm quyền để giải quyết.

Người bị kiện và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất:

Theo kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân Phường A tại Phiếu đề xuất ngày 30-10-2020, đất có nguồn gốc đã được Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110221 ngày 08-11-2002 cho bà Vũ Thị M1 với diện tích 187,0m² đất ở, thuộc thửa 826/836 (mới 55), tờ bản đồ 26 (mới 6) (Diện tích xây dựng nhà 74,0m²). Đến năm 2005, bà M1 chuyển nhượng cho ông Trần Hữu H3 được Ủy ban nhân dân thành phố xác nhận ngày 27-5-2005; đến năm 2012, chuyển nhượng cho bà Đinh Thị Kim N được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Thành phố xác nhận; đến năm 2018, bà N chuyển nhượng cho ông Thái Quốc V được Văn phòng C xác nhận

ngày 25-01-2018.

Tuy nhiên, nhà, đất trên năm 2006 có tranh chấp giữa nguyên đơn: bà Nguyễn Thị N2 và bị đơn là bà Vũ Thị M1 được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết tại Bản án số: 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 Quyết định tuyên xử: nhà, đất tại số A - 1582 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị N2, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố V hủy bỏ việc chuyển nhượng Quyền sở hữu nhà và Q sử dụng đất ở từ bà Vũ Thị M1 sang cho ông Trần Hữu H3; bà N2 được quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục chuyển nhượng từ bà Vũ Thị M1 sang tên bà Nguyễn Thị N2.

Không đồng ý với Bản án số 32/2006/DSST ngày 15-5-2006 của Tòa án dân dân thành phố V, bà M1 kháng cáo và được Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giải quyết tại Bản án số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006 Quyết định tuyên xử: chấp nhận yêu cầu kháng cáo và công nhận bà Vũ Thị M1 được quyền sở hữu và sử dụng hợp pháp nhà, đất nêu trên.

Không đồng ý Bản án số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006, bà N2 kháng nghị và được Tòa án nhân dân tối cao giải quyết tại Bản án số 314/2007/DS-GĐT ngày 25-10-2007 Quyết định: hủy bản án dân sự phúc thẩm số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006 và giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử lại.

Năm 2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã giải quyết lại tại Quyết định số 06/2014/QĐPT-DS ngày 16-9-2014, Quyết định Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 15-5-2006 của Tòa án dân dân thành phố V có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định (ngày 16-9-2014) công nhận nhà, đất trên cho bà Nguyễn Thị N2 (bà N2 đã chết).

Năm 2005, bà N2 di chúc lại cho ông Vũ Viết P được thừa hưởng tài sản này được Ủy ban nhân dân Phường A xác nhận ngày 29-9-2005.

Năm 2016, ông P (người thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị N2) có Đơn yêu cầu thi hành án và được Chi Cục thi hành án dân sự thành phố giải quyết tại Thông báo số 848/TB-THADS ngày 26-9-2016 về việc từ chối nhận yêu cầu thi hành án. Lý do: phần Quyết định của Bản án sơ thẩm có tuyên nhà, đất trên thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà Nguyễn Thị N2, không tuyên rõ trách nhiệm ai là người phải giao nhà, đất cho bà N2 nên Cục thi hành án không ban hành được Quyết định thi hành án.

Diện tích đất thu hồi: 172,0m² thuộc diện tích đất được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết công nhận quyền sở hữu và sử dụng của bà Nguyễn Thị N2 tại Bản án số: 32/2006/DSST ngày 12-5-2006, đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ. Tuy nhiên, bà N2 đã chết, do đó đề nghị chiết tính số tiền gửi

kho bạc đến khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xác định chủ thể hợp pháp sẽ chi trả theo quy định.

Trên đất thu hồi có nhà (nhà đã được cấp quyền sở hữu nhà số G ngày 08-11-2002). Nhà do ông Thái Quốc V sử dụng cho thuê.

Theo kết quả thẩm tra của Phòng T3 tại Công văn số 4954/TNMT-BT ngày 05-11-2021 thì phần diện tích 172,0m² đất thu hồi thuộc Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 720110221 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 08-11-2001 với diện tích 187,0m² đất ở thuộc thửa đất số 826/836, tờ số 26 bản đồ địa chính Phường A; đủ điều kiện bồi thường 172,0m² đất ở theo quy định tại Điều 75, Điều 79 Luật Đất đai năm 2013. Vị trí 1- Đường C (đường loại 2).

Phần diện tích này được Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết công nhận quyền sở hữu và sử dụng cho bà Nguyễn Thị N2 tại Bản án số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006. Tuy nhiên, việc thi hành án chưa được thực hiện do đó đề nghị gửi tiền vào tài khoản tạm giữ của Kho bạc Nhà nước đến khi xác định được chủ thể hợp pháp sẽ thực hiện chi trả theo quy định.

Quyết định phê duyệt phương án bồi thường số 754/QĐ-UBND ngày 20/01/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường Q, Phường A và Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 8320/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V đã được ban hành đúng quy định của pháp luật. Việc các cá nhân liên quan, gồm bà Đinh Thị Kim N và ông Vũ Viết P đều có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân Tỉnh chi trả tiền cho riêng cá nhân bà N hoặc ông P, tuyên hủy hoặc hủy một phần các Quyết định nêu trên là không có cơ sở xem xét, giải quyết. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân Tỉnh bác các nội dung khởi kiện của bà Đinh Thị Kim N.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Viết P:

Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 03-6-2023, ông P trình bày:

Ngày 31-4-2004, bà Nguyễn Thị N2 khởi kiện tranh chấp nhà đất với người bị kiện là bà Vũ Thị M1. Bà Nguyễn Thị N2 yêu cầu bà M1 trả lại “Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhà đất số G” tại nhà số C, QL E, Phường A, thành phố V (Số mới 1580 đường C, Phường A, thành phố V) do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp ngày 08-11-2001. Kết quả giải quyết: Bản án sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12/5/2006 của Tòa án thành phố V tuyên xử: Nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N2. Trong thời gian Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu giải quyết sơ thẩm vụ án do cụ N2 khởi kiện thì ngày 27-5-2005 bà M1 lập hợp đồng chuyển nhượng cho ông Trần Hữu H3. Khi

có bản án sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 thì bà M1 và ông H3 kháng cáo. Thời điểm này bà N2 đang cư ngụ tại căn nhà này.

Bản án phúc thẩm số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên xử: Nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của bà Vũ Thị M1. Bản án không tuyên buộc cụ N2 giao nhà đất cho bà M1.

Quyết định Giám đốc thẩm số 314/2007/DS-GĐT ngày 25-10-2007 tuyên: Hủy Bản án phúc thẩm số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm lại.

Bản án phúc thẩm (lần 2) số 54/2008/DSPT ngày 14-3-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tuyên: Nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của bà Vũ Thị M1 và bà M1 có nghĩa vụ trả cho bà N2 số tiền 293.857.14 đồng; Công nhận hợp đồng mua bán nhà đã ký ngày 27/5/2005 giữa bà Vũ Thị M1 và ông Trần Hữu H3. Bản án này không tuyên buộc cụ N2 giao nhà đất cho bà M1 nhưng bà M1 đã tự cạy cửa vô chiếm nhà của cụ N2.

Ngày 13-11-2009, ông H3 đã chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Phạm Văn T1.

Quyết định Giám đốc thẩm (lần 2) số 533/2011/DS-GĐT ngày 22-7-2011 tuyên: Hủy bản án phúc thẩm số 54/2008/DSPT ngày 14-3-2008, giao hồ sơ về TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm lại.

Ngày 05-10-2012, ông Phạm Văn T1 chuyển nhượng nhà đất trên cho bà Đinh Thị Kim N.

Ngày 16-9-2014 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu mở phiên tòa phúc thẩm lần 3 và người kháng cáo là bà Vũ Thị M1 và ông Trần Hữu H3 không có mặt nên Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên đình chỉ giải quyết kháng cáo của bà M1 và ông H3 và ban hành quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 06/2014/QDPT- DS. Theo đó, Bản án sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 16-9-2014.

Ông P (con bà N2) là người thừa kế duy nhất đối với tài sản theo di chúc hợp pháp của cụ N2 ngày 28-9-2005 nhà đất tranh chấp.

Ông P yêu cầu Tòa án những vấn đề sau:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7201110221 do Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp cho bà Vũ Thị M1 ngày 08-11-2001;

- Hủy biên động cập nhật tên bà Đinh thị Kim N trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 7201110221 do Văn phòng Đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V đăng ký biên động ngày 05-10-2012;

- Tuyên ông Vũ Viết P được nhận tiền đền bù giải tỏa nhà của Cụ Nguyễn Thị N2 theo nội dung di chúc được ghi nhận trong bản án số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu;

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh thị Kim N vì giao dịch chuyển nhượng nhà đất giữa ông T1 và bà N không hợp pháp, bà N không đủ điều kiện để nhận tiền bồi thường.

Ngày 10-4-2024, ông P có đơn rút toàn bộ yêu cầu như trên. Ngày 22-4-2024, ông P có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt và không có ý kiến yêu cầu gì trong vụ án.

Ý kiến của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Thái Quốc V:

Tại đơn ngày 10-4-2024, ông Thái Quốc V trình bày:

Ngày 25-01-2018 ông V và vợ chồng ông Nguyễn Minh T2, bà Đinh Thị Kim N có ký kết Hợp đồng mua bán nhà ở gắn liền với Quyền sử dụng đất ở theo Giấy chứng nhận số 7201110221, sổ vào sổ 2869/2001 cấp ngày 08-11-2001 tại văn phòng C. Tuy nhiên ông V không hoàn tất được thủ tục cập nhật biến động đất đai nên hai bên thống nhất hủy bỏ hợp đồng công chứng số 528, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25-02-2018 bằng Giấy thỏa thuận vào ngày 10-12-2021 (lúc này ông Nguyễn Minh T2 chồng của bà Đinh Thị Kim N đã mất). Ông V xác nhận nhà đất theo Giấy chứng nhận số 7201110221, sổ vào sổ 2869/2001 cấp ngày 08-11-2001 vẫn thuộc sở hữu của bà Đinh Thị Kim N.

Trong vụ án hành chính “*Khởi kiện Quyết định hành chính về quản lý đất đai trong trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*” giữa người khởi kiện Đinh Thị Kim N và người bị Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V theo Thông báo thụ lý số 100/2023/TLST-HC ngày 05-5-2023 ông V không có ý kiến và xin được vắng mặt, không tham gia quá trình giải quyết vụ án.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 21 tháng 6 năm 2024 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

1. Đình chỉ xét xử sơ thẩm đối với yêu cầu hủy Quyết định số 6906/QĐ-UBND ngày 02-11-2023 về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim N3 việc:

- Hủy Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 10-01-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 – bà N2 đã chết (ông (bà) Đinh Thị Kim N, Thái Quốc V là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan) thuộc dự án Đường Q, Phường A, thành phố V.

- Huỷ Quyết định số 8320/QĐ-UBND ngày 01-6-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Đinh Thị Kim N.

- Huỷ Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 06-4-2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc điều chỉnh giảm kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi cho bà Đinh Thị Kim N theo quy định pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 11-7-2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Viết P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vũ Viết P (có bà Võ Thị Mỹ D đại diện theo ủy quyền) vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim N vì bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12/5/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu có hiệu lực pháp luật đã công nhận phần nhà, đất liên quan đến khiếu kiện cho bà Nguyễn Thị N2 (mẹ ông P), ngày 28-9-2005 bà N2 đã lập di chúc để cho ông P được thừa kế nhà, đất trên nên Ủy ban nhân dân thành phố V bồi thường cho bà N khi thu hồi đất là không đúng đối tượng. Ngoài ra, khi Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà N thì phần đất được cấp đang có tranh chấp đã được Tòa án thụ lý giải quyết nên việc cấp giấy chứng nhận cũng là không đúng.

Người khởi kiện là bà Đinh Thị Kim N (có bà Lê Phan Thị Minh N1 đại diện theo ủy quyền) không đồng ý kháng cáo của ông P, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị người bị kiện là bà Hoàng Thị H2 phát biểu: người bị kiện không có kháng cáo bản án hành chính sơ thẩm, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ theo quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12/5/2006 của Tòa án nhân dân Thành phố Vũng Tàu có hiệu lực pháp luật đã công nhận nhà, đất tranh chấp cho bà Nguyễn Thị N2. Năm 2012, bà N nhận chuyển nhượng đất từ ông T1 và được cấp giấy chứng quyền sử dụng đất trong khi đất đã được công nhận cho bà N2 là không đúng, thuộc trường hợp hợp đồng vô hiệu. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, hủy quyết định bị kiện là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông P, sửa bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án đã triệu tập hợp lệ, người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Thái Quốc V xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc, quá trình tranh chấp và giải quyết của Tòa án các cấp đối với phần đất có diện tích 172m², thuộc thửa số 10, tờ bản đồ thu hồi số 01 (tương ứng thửa đất số 55, tờ bản đồ số 6, bản đồ địa chính Phường A thành phố V) do bà Đinh Thị Kim N đang quản lý sử dụng, bị thu hồi để thực hiện Dự án Đường Q, Phường A, thành phố V như sau:

Ngày 08-11-2002, Ủy ban nhân dân tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110221 cho bà Vũ Thị M1 đối với phần đất có diện tích 187m² đất ở thuộc thửa 826/836 (thửa mới 55), tờ bản đồ số 26 (tờ bản đồ mới 6).

Ngày 30-11-2004, bà Nguyễn Thị N2 (người đại diện là ông Vũ Viết P) khởi kiện bà Vũ Thị M1, yêu cầu trả lại nhà đất số C, quốc lộ E, phường A, thành phố V (số mới 1580 đường C, phường A, thành phố V).

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu tuyên xử: Nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị N2.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (phúc thẩm lần 1) tuyên xử: Nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của bị đơn là bà Vũ Thị M1.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 314/2007/DS-GĐT ngày 25-5-2007 của

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã tuyên: Hủy Bản án phúc thẩm số 93/2006/DSPT ngày 15-8-2006, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm lại.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 54/2008/DSPT ngày 14-3-2008 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (phúc thẩm lần 2) tuyên: Nhà đất trên thuộc quyền sở hữu của bị đơn bà M1; bà M1 có nghĩa vụ trả cho bà N2 số tiền là 293.857.14 đồng; công nhận hợp đồng mua bán nhà đã ký ngày 27-5-2005 giữa bà M1 với ông H3. Ngày 13-11-2009, ông H3 đã chuyển nhượng nhà đất trên cho ông Phạm Văn T1.

Ngày 05-10-2012, ông Phạm Văn T1 chuyển nhượng nhà đất trên cho bà Đinh Thị Kim N. Ngày 09-10-2012 bà N đã hoàn tất thủ tục đăng ký biến động đất đai cập nhật đăng bộ sang tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Quyết định giám đốc thẩm số 533/2011/DS-GĐT ngày 22-7-2011 đã tuyên: Hủy Bản án phúc thẩm số 54/2008/DSPT ngày 14-3-2008, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm lại.

Ngày 16-9-2014, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án số 06/2014/QĐPT-DS do người kháng cáo là bà M1 và ông H3 hai lần vắng mặt tại phiên tòa không có lý do (phúc thẩm lần 3). Theo đó Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu có hiệu lực pháp luật.

[3] Tại Điều 75 Luật đất đai năm 2013 quy định: “Điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng: 1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không phải là đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (sau đây gọi chung là Giấy chứng nhận)...”.

[4] Xét thấy, tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố V thu hồi phần đất có diện tích 172m²/187m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 6 thì Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số G, đã được cập nhật sang tên bà N vẫn đang có hiệu lực pháp luật. Do đó, căn cứ quy định pháp luật nêu tại mục [3] thì bà N là người được bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất.

[5] Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 21-3-2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu thể hiện, phần diện tích thu hồi vẫn chưa bàn giao làm đường, hiện trạng nhà và vật kiến trúc trên đất do bà N đang quản lý, sử dụng. Bà N xác định khi nhận chuyển nhượng nhà đất vào năm 2012 từ ông

T1 thì trên đất chỉ có nhà mái tôn, vách tôn nên bà N dỡ bỏ và xây nhà lại trên móng nhà cũ.

Theo thông báo thu hồi đất số 6293/TB-UBND ngày 19-8-2020 của Ủy ban nhân dân thành phố V thì bà N bị thu hồi 172m²/187m² diện tích đất. Do bà N bị thu hồi hết đất ở, phải di chuyển chỗ ở nên yêu cầu của bà N về việc xem xét tái định cư là có căn cứ.

[6] Theo nội dung nêu tại mục [4], [5] thì bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N về việc huỷ các Quyết định 754/QĐ-UBND ngày 10-01-2022, Quyết định 8320/QĐ-UBND ngày 01-6-2022 (với nội dung giữ nguyên Quyết định 754/QĐ-UBND), Quyết định 1420/QĐ-UBND ngày 06-4-2023 (điều chỉnh Quyết định 754/QĐ-UBND) liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi phần đất có diện tích 172m² thuộc thửa 55, tờ bản đồ số 6 là có cơ sở.

[7] Ông Vũ Viết P (người thừa kế của bà Nguyễn Thị N2) kháng cáo cho rằng Bản án dân sự sơ thẩm số 32/2006/DSST ngày 12-5-2006 của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu (đã có hiệu lực pháp luật) đã xác định nhà, đất bị thu hồi thuộc quyền sở hữu, sử dụng của bà N2. Ngày 28-9-2005 bà N2 đã lập di chúc để cho ông được thừa kế nhà, đất trên.

Xét thấy, tại thời điểm Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định thu hồi, bồi thường và hỗ trợ khi thu hồi đối với diện tích đất trên thì Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số G được cập nhật sang tên bà N đang có hiệu lực pháp luật. Hơn nữa, phần tài sản trên đất theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án cấp sơ thẩm xác định đã có sự thay đổi so với hiện trạng nguồn gốc ban đầu (bà N có sửa chữa nhà trên đất). Bà N được cập nhật sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 7201110221 là thông qua giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất, nên chỉ được xem xét hủy bỏ khi có kết quả giải quyết tranh chấp bằng bản án của Tòa án. Do đó, yêu cầu của ông P về việc xác định ông là người được nhận tiền bồi thường, hỗ trợ là không đủ căn cứ để chấp nhận. Mối quan hệ pháp luật giữa các đương sự liên quan đến nhà, đất trên (bao gồm cả phần tiền bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất) thuộc phạm vi giải quyết của vụ án dân sự (khi các bên có yêu cầu).

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông P có kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Lập luận này cũng là cơ sở không chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

[9] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Viết P, sinh năm 1955 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính,

Bác yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Viết P; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 63/2024/HC-ST ngày 21/6/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Áp dụng điểm a, khoản 5 Điều 71; Điều 74; khoản 1 Điều 75; điểm c, khoản 2 Điều 83; Điều 85 và Điều 86 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đinh Thị Kim N về việc:

- Hủy Quyết định số 754/QĐ-UBND ngày 10-01-2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho những người thuộc hàng thừa kế theo quy định pháp luật của bà Nguyễn Thị N2 – bà N2 đã chết (ông (bà) Đinh Thị Kim N, Thái Quốc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) thuộc dự án Đường Q, Phường A, thành phố V.

- Hủy Quyết định số 8320/QĐ-UBND ngày 01-6-2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V về việc giải quyết khiếu nại của bà Đinh Thị Kim N.

- Hủy Quyết định số 1420/QĐ-UBND ngày 06-4-2023 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc điều chỉnh giảm kinh phí bồi thường, hỗ trợ.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ công vụ ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà

nước thu hồi cho bà Đinh Thị Kim N theo quy định pháp luật.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Vũ Viết P được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP . HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Nhựt Bình